



SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG THÁI BÌNH
TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường *Mã số VIMCERTS 016
 Chứng chỉ công nhận phù hợp yêu cầu của tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017 *Mã số VILAS 568
 Địa chỉ: Đường số 20, tổ 12, phường Trần Hưng Đạo, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình
 Điện thoại: 0227.3644.139 Email: cem.thaibinh@gmail.com

Số: 70/2023/KQQT

PHIẾU TRẢ KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Loại mẫu: Khí thải
 Địa điểm quan trắc: Công ty hóa chất mỏ Thái Bình - MICCO
 Địa chỉ: CCN Thái Thọ, xã Thái Thọ, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình
 Ngày quan trắc: 14/3/2023
 Ngày phân tích: 14 - 20/3/2023

Số TT	Thông số phân tích	Đơn vị tính	Phương pháp xác định	Kết quả phân tích		QCVN 19:2009/BTNMT	
				KT1 M03140125	KT2 M03140126	Cột B	Cmax
01	Bụi tổng	mg/Nm ³	US EPA Method 5	44	36	200	160
02	NO _x (cơ sở sản xuất hóa chất)	mg/Nm ³	ĐNHT.KT - 06; 07	78	5	1.000	800
03	NH ₃	mg/Nm ³	JIS K 0099 - 2004	20	26	50	40
04	Hơi HNO ₃ tính theo NO ₂	mg/Nm ³	US EPA Method 26A	48	12	500	400
05	Lưu lượng	m ³ /h	US EPA Method 2	72.000	81.000	-	-

Ghi chú: Kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu thử.

KT1: Mẫu khí thải lấy tại cửa lấy mẫu của ống khói xưởng Axit Nitric lúc 09h00’;

KT2: Mẫu khí thải lấy tại cửa lấy mẫu của ống khói xưởng Amon Nitrat lúc 10h20’

ngày 14/3/2023.

QCVN 19:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.

Cột B quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với: Tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015.

Cmax là nồng độ tối đa cho phép của bụi và các chất vô cơ trong khí thải công nghiệp, tính bằng miligam trên mét khối khí thải chuẩn (mg/Nm³). Cmax được tính theo công thức:

$$C_{max} = C \times K_p \times K_v = 0,8 \times C$$

Trong đó:

- C là nồng độ của bụi và các chất vô cơ quy định tại QCVN 19:2009/BTNMT.
 - Kp là hệ số lưu lượng nguồn thải. Vì tổng lưu lượng nguồn thải của công ty ở mức $P > 100.000 \text{ m}^3/\text{h}$ nên $K_p = 0,8$.
 - Kv là hệ số vùng, khu vực. Vì công ty nằm trong CCN Thái Thọ nên $K_v = 1$.
- (-): Thông số không quy định trong quy chuẩn.

Thái Bình, ngày 21 tháng 3 năm 2023

Phó Trưởng phòng quan trắc, phân tích

KT. Giám đốc

Phó Giám đốc



Bùi Ngọc Trang



Phạm Đình Đề





SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG THÁI BÌNH
TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường *Mã số VIMCERTS 016
 Chứng chỉ công nhận phù hợp yêu cầu của tiêu chuẩn ISO/IEC17025:2017 *Mã số VILAS 568
 Địa chỉ: Đường số 20, tổ 12, phường Trần Hưng Đạo, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình
 Điện thoại: 0227.3644.139 Email: cem.thaibinh@gmail.com

Số: 67/2023/KQQT

PHIẾU TRẢ KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Loại mẫu: Nước thải sản xuất
 Địa điểm quan trắc: Công ty hóa chất mỏ Thái Bình - MICCO
 Địa chỉ: CCN Thái Thọ, xã Thái Thọ, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình
 Ngày quan trắc: 14/3/2023
 Ngày phân tích: 14 - 20/3/2023



Số TT	Thông số phân tích	Đơn vị tính	Phương pháp xác định	Kết quả phân tích		QCVN 40:2011/BTNMT	
				NT1 M03140122	NT2 M03140123	Cột A	Cmax
01	Màu	Pt/Co	TCVN 6185 - 2015	68	21	50	50
02	pH		TCVN 6492 - 2011	7,2	7,4	6 - 9	6 - 9
03	BOD ₅ *	mg/l	TCVN 6001-1:2008	43	10	30	36,3
04	COD*	mg/l	TCVN 6491 - 1999	104	32	75	90,75
05	TSS*	mg/l	TCVN 6625 - 2000	55	17	50	60,5
06	Mn*	mg/l	SMEWW 3111B - 2017	< 0,07	< 0,07	0,5	0,605
07	Fe*	mg/l		0,240	< 0,05	1	1,21
08	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	SMEWW 5220 B&F:2017	20,30	< 0,3	5	6,05
09	NH ₄ ⁺ *	mg/l	TCVN 6179-1:1996	0,797	0,171	5	6,05
10	Tổng N*	mg/l	TCVN 6638 - 2000	35,60	12,20	20	24,2
11	Tổng P*	mg/l	TCVN 6202 - 2008	0,220	0,200	4	4,84
12	Cl ⁻ *	mg/l	TCVN 6194 - 1996	178,62	153,06	500	605
13	Coliform	VK/100ml	TCVN 6187-1:2019	7 x 10 ³	2,5 x 10 ³	3.000	3.000
14	Lưu lượng	m ³ /24h	ĐNHT.N - 06	192	192	-	-

Ghi chú: Kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu thử.

NT1: Mẫu nước thải sản xuất lấy tại bể thu gom trước hệ thống xử lý nước thải sản xuất của công ty lúc 08h00';

NT2: Mẫu nước thải sản xuất lấy tại cửa xả sau hệ thống xử lý nước thải sản xuất của công ty lúc 08h20' ngày 14/3/2023.

QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.

Cột A quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào nguồn nước được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.

C_{max} là giá trị tối đa cho phép của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào nguồn tiếp nhận nước thải. Căn cứ vào giấy phép xả nước thải vào nguồn nước, được UBND tỉnh Thái Bình cấp ngày 08/10/2021 (số 50/GP-UBND) thì giá trị C_{max} là 1,21 x C

Áp dụng giá trị tối đa cho phép C_{max} = C đối với các thông số: Màu, pH, coliform

(-): Thông số không quy định trong quy chuẩn.

(*): Thông số đã được công nhận Vilas.

Thái Bình, ngày 21 tháng 3 năm 2023

Phó Trưởng phòng quan trắc, phân tích

KT. Giám đốc

Phó Giám đốc



Bùi Ngọc Trang



Phạm Đình Đề





SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG THÁI BÌNH
TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường *Mã số VIMCERTS 016
Chứng chỉ công nhận phù hợp yêu cầu của tiêu chuẩn ISO/IEC17025:2017 *Mã số VILAS 568
Địa chỉ: Đường số 20, tổ 12, phường Trần Hưng Đạo, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình
Điện thoại: 0227.3644.139 Email: cem.thaibinh@gmail.com

Số: 68 /2023/KQQT

PHIẾU TRẢ KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Loại mẫu: Nước thải sinh hoạt
Địa điểm quan trắc: Công ty hóa chất mỏ Thái Bình - MICCO
Địa chỉ: CCN Thái Thọ, xã Thái Thọ, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình
Ngày quan trắc: 14/3/2023
Ngày phân tích: 14 - 20/3/2023



Số TT	Thông số phân tích	Đơn vị tính	Phương pháp xác định	Kết quả phân tích		QCVN 14:2008/BTNMT	
				NT3	NT4	Cột A	Cmax
				M03140120	M03140121		
01	pH		TCVN 6492 - 2011	7,5	7,6	5 – 9	5 – 9
02	BOD ₅ *	mg/l	TCVN 6001-1:2008	21	9	30	36
03	TSS*	mg/l	TCVN 6625 - 2000	52	20	50	60
04	TDS	mg/l	ĐNHT.N - 04	533	290	500	600
05	S ²⁻	mg/l	SMEWW 4500-S ²⁻ . B&D:2017	0,176	< 0,05	1	1,2
06	NH ₄ ⁺ *	mg/l	TCVN 6179-1:1996	0,661	0,113	5	6
07	NO ₃ ⁻ *	mg/l	EPA method 352.1	5,77	4,31	30	36
08	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	SMEWW 5520 B&F:2017	< 0,3	< 0,3	10	12
09	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	TCVN 6622-1:2000	1,43	< 0,03	5	6
10	PO ₄ ³⁻	mg/l	TCVN 6202 - 2008	1,27	1,13	6	7,2
11	Tổng coliforms	CFU/100ml	TCVN 6187-1:2019	14 x 10 ³	2,4 x 10 ³	3.000	3.000
12	Lưu lượng	m ³ /24h	ĐNHT.N - 06	18	18	-	-

Ghi chú: Kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu thử.

NT3: Mẫu nước thải sinh hoạt lấy tại bể thu gom trước hệ thống xử lý nước thải lúc 08h30';

NT4: Mẫu nước thải sinh hoạt lấy tại cửa xả sau hệ thống xử lý nước thải lúc 08h50' ngày 14/3/2023.

QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt.

Cột A quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm làm cơ sở tính toán giá trị tối đa cho phép trong nước thải sinh hoạt khi thải vào các nguồn nước được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.

C_{max} là nồng độ tối đa cho phép của thông số ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt khi thải ra nguồn nước tiếp nhận, tính bằng miligam trên lít nước thải (mg/l). C_{max} được tính theo công thức:

$$C_{max} = C \times K = 1,2 \times C$$

Trong đó:

- C là giá trị nồng độ của thông số ô nhiễm quy định tại QCVN 14:2008/BTNMT.
- K là hệ số tính tới quy mô, loại hình cơ sở dịch vụ, cơ sở công cộng và chung cư. Vì số lượng cán bộ công nhân của công ty dưới 500 người nên K = 1,2.

Không áp dụng công thức tính nồng độ tối đa cho phép trong nước thải cho thông số pH và tổng coliforms.

(-): Thông số không quy định trong quy chuẩn.

(*): Thông số đã được công nhận Vilas.

Thái Bình, ngày 21 tháng 3 năm 2023

Phó Trưởng phòng quan trắc, phân tích

KT. Giám đốc

Phó Giám đốc



Bùi Ngọc Trang



Phạm Đình Đề





SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG THÁI BÌNH
TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường *Mã số VIMCERTS 016
 Chứng chỉ công nhận phù hợp yêu cầu của tiêu chuẩn ISO/IEC17025:2017 *Mã số VILAS 568
 Địa chỉ: Đường số 20, tổ 12, phường Trần Hưng Đạo, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình
 Điện thoại: 0227.3644.139 Email: cem.thaibinh@gmail.com

Số: 69/2023/KQQT

PHIẾU TRẢ KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Loại mẫu: Nước thải
 Địa điểm quan trắc: Công ty hóa chất mỏ Thái Bình - MICCO
 Địa chỉ: CCN Thái Thọ, xã Thái Thọ, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình
 Ngày quan trắc: 14/3/2023
 Ngày phân tích: 14 - 20/3/2023



Số TT	Thông số phân tích	Đơn vị tính	Phương pháp xác định	Kết quả phân tích	QCVN 40:2011/BTNMT	
				NT5	Cột A	Cmax
				M03140124		
01	Màu	Pt/Co	TCVN 6185 - 2015	18	50	50
02	pH		TCVN 6492 - 2011	7,4	6 – 9	6 – 9
03	BOD ₅ *	mg/l	TCVN 6001-1:2008	11	30	36,3
04	COD*	mg/l	TCVN 6491 - 1999	36	75	90,75
05	TSS*	mg/l	TCVN 6625 - 2000	25	50	60,5
06	Mn*	mg/l	SMEWW 3111B - 2017	0,074	0,5	0,605
07	Fe*	mg/l		0,148	1	1,21
08	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	SMEWW 5220 B&F:2017	< 0,3	5	6,05
09	NH ₄ ⁺ *	mg/l	TCVN 6179-1:1996	1,75	5	6,05
10	Tổng N*	mg/l	TCVN 6638 - 2000	16,60	20	24,2
11	Tổng P*	mg/l	TCVN 6202 - 2008	0,205	4	4,84
12	Cl ⁻ *	mg/l	TCVN 6194 - 1996	208,36	500	605
13	Coliform	VK/100ml	TCVN 6187-1:2019	2 x 10 ³	3.000	3.000
14	TDS	mg/l	ĐNHT.N - 04	736	500 ⁽¹⁾	600 ⁽¹⁾
15	S ²⁻	mg/l	SMEWW 4500-S ²⁻ . B&D:2017	0,076	1 ⁽¹⁾	1,2 ⁽¹⁾
16	NO ₃ ⁻ *	mg/l	EPA method 325.1	1,11	30 ⁽¹⁾	36 ⁽¹⁾

Số TT	Thông số phân tích	Đơn vị tính	Phương pháp xác định	Kết quả phân tích	QCVN 40:2011/BTNMT	
				NT5 M03140124	Cột A	Cmax
17	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	SMEWW 5520 B&F:2017	< 0,3	10 ⁽¹⁾	12 ⁽¹⁾
18	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	TCVN 6622-1:2000	< 0,03	5 ⁽¹⁾	6 ⁽¹⁾
19	PO ₄ ³⁻	mg/l	TCVN 6202 - 2008	0,127	6 ⁽¹⁾	7,2 ⁽¹⁾
20	Lưu lượng	m ³ /24h	ĐNHT.N - 06	210	-	-

Ghi chú: Kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu thử.

NT5: Mẫu nước thải công nghiệp lấy tại cửa xả của công ty ra sông Trà Lý lúc 09h30' ngày 14/3/2023.

QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.

Cột A quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào nguồn nước được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.

Cmax là giá trị tối đa cho phép của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào nguồn tiếp nhận nước thải. Căn cứ vào giấy phép xả nước thải vào nguồn nước, được UBND tỉnh Thái Bình cấp ngày 08/10/2021 (số 50/GP-UBND) thì giá trị Cmax là 1,21 x C

Áp dụng giá trị tối đa cho phép Cmax = C đối với thông số: Màu, pH, coliform.

⁽¹⁾**QCVN 14:2008/BTNMT** - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt.

Cột A quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm làm cơ sở tính toán giá trị tối đa cho phép trong nước thải sinh hoạt khi thải vào các nguồn nước được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.

Cmax là nồng độ tối đa cho phép của thông số ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt khi thải ra nguồn nước tiếp nhận, tính bằng miligam trên lít nước thải (mg/l). Cmax được tính theo công thức:

$$C_{max} = C \times K = 1,2 \times C$$

Trong đó:

- C là giá trị nồng độ của thông số ô nhiễm quy định tại QCVN 14:2008/BTNMT.
- K là hệ số tính tới quy mô, loại hình cơ sở dịch vụ, cơ sở công cộng và chung cư. Vì số lượng cán bộ công nhân của công ty dưới 500 người nên K = 1,2.

(-): Thông số không quy định trong quy chuẩn.

(*): Thông số đã được công nhận Vilas.

Phó Trưởng phòng quan trắc, phân tích



Bùi Ngọc Trang

Thái Bình, ngày 21 tháng 3 năm 2023

KT. Giám đốc

Phó Giám đốc



Phạm Đình Đề